TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 3 - 2020
V/v: " Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Bà Dư Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa: Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 463/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp ly hôn "*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị V – Sinh năm: 1992 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện G, tỉnh K.
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn C – Sinh năm: 1977 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Thị V trình bày: Chị và anh C được gia đình cha mẹ hai bên mai mối nhưng tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh K chứng nhận kết hôn vào ngày 10/6/2014. Hôn nhân giữa chị và anh C không hạnh phúc. Anh C tính khí bất thường. Bình thường anh rất lo chí thú làm ăn nhưng mỗi khi có rượu vào con người anh thay đổi hẳn, anh quậy phá nhà cửa, yêu cầu chị đưa tiền để ăn chơi nếu không đưa thì anh đánh chị. Chị đã cố chịu đựng lựa lời khuyên can nhưng anh C không thay đổi nên từ tháng 8 năm 2016, chị đã bỏ đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm việc và ly thân với anh C cho đến nay. Nay xét thấy giữa chị và anh C không thể nào chung sống với nhau được, chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung không có.

Về tài sản và nợ chung: Chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên Tòa, bị đơn anh Trần Văn C trình bày: Anh xác định trình bày của chị V về thời gian kết hôn, hôn nhân có đăng ký kết hôn và không có con chung là đúng. Anh không đồng ý với mâu thuẫn vợ chồng mà chị V đã nêu, bản thân anh là người lo chí thú làm ăn. Thỉnh thoảng, anh có nhậu vui khi đi đám tiệc hoặc bạn bè chứ không phải người say xỉn. Bản thân chị V mới là người không lo làm ăn thích cờ bạc. Anh đã khuyên can nhiều lần nhưng chị V không nghe nên khi có rượu anh có giận đánh chị V. Anh và chị V sống rất hạnh phúc nhưng không hiểu vì lý do gì chị V bỏ đi và ly thân với anh từ ngày 26/7/2018 al cho đến nay. Anh đã nhiều lần tìm kiếm để yêu cầu chị V về chung sống nhưng chị V luôn tìm cách tránh không muốn gặp anh vì chị V đang có thai với người khác nên không tiện. Nay chị V yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Về tài sản và nợ chung, anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị V và anh C có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Xét thấy đời sống chung giữa anh C và chị V không thể tiếp tục kéo dài do anh chị đã ly thân nhau trong khoảng thời gian dài, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị V yêu cầu ly hôn anh C là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V. Về con chung: không có nên đề nghị không xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị V nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Chị Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn C nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh C có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện Giồng Riềng nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Thị V với tư cách là nguyên đơn trong vụ kiện, chị có đơn xin vắng mặt qua các phiên họp cũng như phiên Tòa xét xử. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị Thị V

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Thị V và anh Trần Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy anh chị được gia đình cha mẹ hai bên mai mối nhưng tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn vào ngày 06/11/2014 nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo chị V xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng dần về sau anh C thay đổi tính ý, thường xuyên nhậu nhẹt, không lo chí thú làm ăn nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất hòa. Chị đã khuyên can nhưng anh C vẫn không thay đổi. Vì vậy, tháng 6 năm 2018, chị đã bỏ đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm và ly thân với anh C cho đến nay. Trái lại, anh C không đồng ý với những mâu thuẫn mà chị V đã thể hiện, bản thân anh là người lo chí thú làm ăn việc nhậu nhẹt chỉ đôi khi có đám tiệc. Còn chị V ở nhà chỉ biết cờ bạc. Hiện anh còn thương chị V nên không đồng ý ly hôn, việc chị V bỏ anh đi và ly thân từ ngày 26/7/2018 al cho đến nay anh không rõ lý do, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn nhưng chị V thì luôn tìm cách né tránh. Xét thấy, lời khai trên của chị V và anh C chưa thống nhất về nguyên nhân và thời gian chấm dứt quan hệ vợ chồng nhưng qua ý kiến trình bày của các bên chứng tỏ rằng đời sống chung vợ chồng anh chị không thể kéo dài, anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau nên mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân thì cũng không mang lại kết quả tốt đẹp. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên chị V yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị V. Về con chung không có, tài sản và nợ chung chị V, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2]Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án phí ly hôn sơ thẩm Thị V phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Thị V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007976 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị V được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về án phí: Buộc chị Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007976 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 18 -3-2020). Riêng chị V vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa